

Số: **188** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **15** tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc hỗ trợ kinh phí**  
**đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 230/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025;

Căn cứ kết luận của Hội đồng chính sách Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc hỗ trợ kinh phí đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao của cán bộ, giảng viên (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế tất cả các nội dung liên quan trong các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị: Khoa học và Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng Trường (b/c);
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, KH&HTQT.



**GS.TS. Đinh Xuân Khoa**



**QUY ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ CHẤT LƯỢNG CAO**

(Kèm theo Quyết định số 138 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

**I. Nguyên tắc hỗ trợ**

Nhà trường trích từ nguồn kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm để chi hỗ trợ các tác giả là cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường (tính đến thời điểm công bố sản phẩm, kể cả cán bộ, giảng viên của Nhà trường đang học tập, thực tập sinh tại nước ngoài) có các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao gắn với địa chỉ, thương hiệu Trường Đại học Vinh.

Kinh phí hỗ trợ tính theo công trình và được chia đều cho các tác giả;

Chỉ tính 50% định mức quy định nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Công trình đã được tài trợ bởi các tổ chức/cá nhân trong hoặc ngoài nước;
- b) Tác giả đứng thêm tên của cơ quan/đơn vị ngoài Trường Đại học Vinh;

Các công trình chỉ được xem xét hỗ trợ khi đã được xuất bản (đối với bài báo/sách) hoặc được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích.

**Ghi chú:** Cơ sở dữ liệu của Clarivate Analytics bao gồm các tạp chí thuộc các danh mục sau: *Arts & Humanities Citation Index (A&HCI)*; *Science Citation Index Expanded (SCIE)*; *Social Sciences Citation Index (SSCI)*; *Emerging Sources Citation Index (ESCI)*.

**II. Loại hình sản phẩm và định mức khen thưởng**

| TT | Loại hình sản phẩm                                                                                                                                                           | Định mức hỗ trợ (triệu đồng/công trình) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1. | Sản phẩm được cấp <b>Bằng độc quyền sáng chế</b>                                                                                                                             | 100                                     |
| 2. | Sản phẩm được cấp <b>Bằng độc quyền giải pháp hữu ích</b>                                                                                                                    | 60                                      |
| 3. | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục <b>SCIE, A&amp;HCI, SSCI</b> và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng <b>Q1</b> . | 50                                      |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 4.  | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục <b>SCIE, A&amp;HCI, SSCI</b> và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng <b>Q2</b> .                                                                                                                                                                        | 45 |
| 5.  | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục <b>SCIE, A&amp;HCI, SSCI</b> và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng <b>Q3</b> (hoặc <b>Q4</b> ).                                                                                                                                                       | 40 |
| 6.  | Công trình công bố trên các <b>tạp chí khoa học</b> thuộc cơ sở dữ liệu của <b>ESCI</b> .                                                                                                                                                                                                                                                           | 35 |
| 7.  | Công trình công bố trên các <b>tạp chí khoa học/sách</b> thuộc cơ sở dữ liệu của <b>Scopus</b> .                                                                                                                                                                                                                                                    | 30 |
| 8.  | Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc một trong các danh mục trên và đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:<br>+ Tạp chí có mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm (International Standard Serial Number - ISSN);<br>+ Tạp chí được xuất bản online và bài viết <b>có gắn DOI</b> (Digital Object Identifier). | 5  |
| 9.  | Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc một trong các danh mục trên và đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:<br>+ Tạp chí có mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm (International Standard Serial Number - ISSN);<br>+ Tạp chí được xuất bản online                                                            | 2  |
| 10. | Đối với các công trình không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định.                                                                                                                                                                    |    |

